

UBND HUYỆN DIỄN CHÂU
HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG
GIÁO VIÊN NĂM 2021

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ KIẾN TRÚNG TUYỂN KỲ TUYỂN DỤNG ĐẶC CÁCH GIÁO VIÊN NĂM 2021
VỊ TRÍ TUYỂN DỤNG: GIÁO VIÊN DẠY MỸ THUẬT CẤP TIỂU HỌC

(Kèm theo Thông báo số 16 /TB-HĐTD ngày 18 /6/2021 của Hội đồng tuyển dụng giáo viên năm 2021)

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Đơn vị hiện đang công tác	Hộ khẩu thường trú	Trình độ chuyên môn	Đối tượng ưu tiên	Điểm ưu tiên	SH1	SH2	Điểm TB	Tổng điểm	Ghi chú
1	MT01	Hoàng Thị Huyền	05/3/1986	Nữ	MN Thị trấn	xóm 9 - Diễn Thịnh	Cử nhân			73,0	73,0	73,0	73,0	
2	MT02	Trần Thị Thanh Mai	20/11/1984	Nữ	MN Diễn Yên	xóm 7 - Diễn Yên	Cử nhân			70,0	70,0	70,0	70,0	
3	MT03	Lê Thị Mến	10/10/1988	Nữ	MN Diễn Hồng	Xóm Trung Hồng - Diễn Hồng	Cử nhân	Con TB	5	56,0	60,0	58,0	63,0	
4	MT04	Nguyễn Thị Quỳnh Ngọc	13/11/1984	Nữ	MN Thị trấn	Khối 4 - Thị trấn	Cử nhân			60,0	59,0	59,5	59,5	

Danh sách này gồm có 04 thí sinh



UBND HUYỆN DIÊN CHÂU
HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG
GIÁO VIÊN NĂM 2021

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ KIẾN TRÚNG TUYỂN KỲ TUYỂN DỤNG ĐẶC CÁCH GIÁO VIÊN NĂM 2021
VỊ TRÍ TUYỂN DỤNG: GIÁO VIÊN DẠY ÂM NHẠC CẤP TIỂU HỌC

(Kèm theo Thông báo số 16 /TB-HĐTD ngày 18/6/2021 của Hội đồng tuyển dụng giáo viên năm 2021)

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Đơn vị hiện đang công tác	Hộ khẩu thường trú	Trình độ chuyên môn	Đối tượng ưu tiên	Điểm ưu tiên	SH1	SH2	Điểm TB	Tổng điểm	Ghi chú
1	AN01	Nguyễn Mai Hương	24/02/1985	Nữ	MN Diễn Vạn	thôn 4 - xã Diễn Kỷ	Cử nhân			70,0	73,0	71,5	71,5	
2	AN02	Đặng Thị Tâm	25/10/1982	Nữ	MN Diễn Thọ	xóm 6 - xã Diễn Thọ	Cử nhân			63,0	61,0	62,0	62,0	
3	AN03	Trần Thị Trường	07/08/1985	Nữ	MN Diễn Thành	xóm 5 - xã Diễn Thành	Cử nhân			61,0	61,0	61,0	61,0	
4	AN04	Hoàng Thị Vân	08/03/1985	Nữ	MN Diễn Bích	Xóm Hải Nam - xã Diễn Bích	Cử nhân			61,0	62,0	61,5	61,5	

Danh sách này gồm có 04 thí sinh

24

UBND HUYỆN DIỄN CHÂU
HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG
GIÁO VIÊN NĂM 2021



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ KIẾN TRÚNG TUYỂN KỲ TUYỂN DỤNG ĐẶC CÁCH GIÁO VIÊN NĂM 2021
VỊ TRÍ TUYỂN DỤNG: GIÁO VIÊN DẠY THỂ DỤC CẤP TIỂU HỌC

(Kèm theo Thông báo số 16 /TB-HĐTD ngày 18/6/2021 của Hội đồng tuyển dụng giáo viên năm 2021)

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Đơn vị hiện đang công tác	Hộ khẩu thường trú	Trình độ chuyên môn	Đối tượng ưu tiên	Điểm ưu tiên	SH1	SH2	Điểm TB	Tổng điểm	Ghi chú
1	TD01	Đặng Hoàng Minh	28/9/1985	Nam	MN Thị Trấn	Khối 3 Thị Trấn, huyện Diễn Châu	Đại học			69,0	69,0	69,0	69,0	

Danh sách này gồm có 01 thí sinh

✓

**DANH SÁCH THÍ SINH DỰ KIẾN TRÚNG TUYỂN KỲ TUYỂN DỤNG ĐẶC CÁCH GIÁO VIÊN NĂM 2021
VỊ TRÍ TUYỂN DỤNG: GIÁO VIÊN DẠY TIN HỌC CẤP TIỂU HỌC**

(Kèm theo Thông báo số 16 /TB-HĐTD ngày 18/6/2021 của Hội đồng tuyển dụng giáo viên năm 2021)

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Đơn vị hiện đang công tác	Hộ khẩu thường trú	Trình độ chuyên môn	Đối tượng ưu tiên	Điểm ưu tiên	SH1	SH2	Điểm TB	Tổng điểm	Ghi chú
1	TIN01	Nguyễn Thị Dung	21/03/1986	Nữ	MN Diễn Kỳ	xóm Ái Quốc - xã Diễn Hồng	Cử nhân			71,0	71,0	71,0	71,0	
2	TIN02	Thái Thanh Nga	07/12/1984	Nữ	MN Thị trấn	thôn 3 - xã Diễn Kỳ	Cử nhân			63,0	66,0	64,5	64,5	
3	TIN03	Hoàng Thị Nhung	20/11/1982	Nữ	MN Diễn Kim	xóm Kim Liên - xã Diễn Kim	Cử nhân			70,0	69,0	69,5	69,5	
4	TIN04	Võ Thị Thu Thủy	24/12/1986	Nữ	MN Diễn Tân	xóm 1 - xã Diễn Lợi	Cử nhân	Con BB	5	72,0	75,0	73,5	78,5	
5	TIN05	Nguyễn Thị Vân	02/09/1983	Nữ	MN Minh Châu	Thôn Vân Tập - xã Minh Châu	Cử nhân			61,0	65,0	63,0	63,0	

Danh sách này gồm có 05 thí sinh



UBND HUYỆN DIỄN CHÂU
HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG
GIÁO VIÊN NĂM 2021

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ KIẾN TRÚNG TUYỂN KỲ TUYỂN DỤNG ĐẶC CÁCH GIÁO VIÊN NĂM 2021
VỊ TRÍ TUYỂN DỤNG: GIÁO VIÊN DẠY MẦM NON

(Kèm theo Thông báo số 16 /TB-HĐTD ngày 18/6/2021 của Hội đồng tuyển dụng giáo viên năm 2021)

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Đơn vị hiện đang công tác	Hộ khẩu thường trú	Trình độ chuyên môn	Đối tượng ưu tiên	Điểm Ưu tiên	SH1	SH2	Điểm TB	Tổng điểm	Ghi chú
1	MN11	Đinh Thị Hằng	12/5/1990	Nữ	MN Minh Châu	xóm 2 - xã Minh Châu	Cử nhân	con BB	5	90,5	91,0	90,8	95,8	
2	MN20	Nguyễn Thị Lam	23/03/1987	Nữ	MN Diễn Đoài	xóm Xuân Đường - xã Diễn Đoài	Cử nhân			92,5	92,0	92,3	92,3	
3	MN09	Phan Thị Hà	26/07/1987	Nữ	MN Diễn Thịnh	xóm 6 - xã Diễn Lộc	Cử nhân	con TB	5	87,0	86,0	86,5	91,5	
4	MN28	Lương Thị Ngọc	17/09/1990	Nữ	MN Diễn Ngọc	xóm Nam Thịnh - xã Diễn Ngọc	Cử nhân			89,5	89,0	89,3	89,3	
5	MN40	Trịnh Thị Thảo	02/09/1988	Nữ	MN Diễn Lợi	xóm 10 - xã Diễn Phú	Cử nhân	con TB	5	82,0	83,0	82,5	87,5	
6	MN55	Đào Thị Vân	07/11/1987	Nữ	MN Diễn Thập	xóm 1 - xã Diễn Thập	Cử nhân			86,0	89,0	87,5	87,5	
7	MN21	Phan Thị Lan	24/03/1988	Nữ	MN Minh Châu	thôn Vân Tập - xã Minh Châu	Cử nhân			87,0	87,0	87,0	87,0	
8	MN27	Nguyễn Thị Mão	12/10/1988	Nữ	MN Diễn Kim	xóm Thái Thịnh - xã Diễn Kim	Cử nhân	Con đẻ người nhiễm CDHH	5	80,0	84,0	82,0	87,0	
9	MN05	Đặng Thị Duyên	02/06/1989	Nữ	MN Diễn Liên	xóm 10 - xã Diễn Xuân	Cao đẳng			86,0	87,0	86,5	86,5	
10	MN01	Lê Thị Phương Anh	08/07/1989	Nữ	MN Diễn Cát	xóm 4 - xã Diễn Cát	Cử nhân			87,5	85,0	86,3	86,3	
11	MN36	Trần Thị Tân	30/10/1982	Nữ	MN Diễn Phúc	xóm 9 - xã Diễn Thành	Cử nhân			85,5	86,0	85,8	85,8	
12	MN49	Hồ Thị Thủy	14/04/2002	Nữ	MN Diễn An	xóm 5 - xã Diễn An	Cử nhân			83,5	88,0	85,8	85,8	
13	MN02	Phạm Thị Ngọc Bích	13/11/1981	Nữ	MN Diễn Phúc	xóm 3 - xã Diễn Thành	Cử nhân			85,0	85,0	85,0	85,0	
14	MN35	Nguyễn Thị Tám	01/01/1987	Nữ	MN Diễn Ngọc	xóm Trường Tiến - xã Diễn Ngọc	Cử nhân	con TB	5	80,0	80,0	80,0	85,0	
15	MN08	Lê Thị Thu Hà	16/11/1989	Nữ	MN Minh Châu	xóm 5 - xã Minh Châu	Cử nhân			84,0	85,0	84,5	84,5	
16	MN13	Nguyễn Thị Hoa	29/07/1987	Nữ	MN Diễn Vạn	xóm Hải Trung - xã Diễn Bích	Cử nhân			84,0	85,0	84,5	84,5	
17	MN17	Nguyễn Thị Lan Hương	18/08/1989	Nữ	MN Diễn Hồng	xóm Trung Hồng - xã Diễn Hồng	Cử nhân			85,0	84,0	84,5	84,5	
18	MN30	Phạm Thị Nhân	09/12/1988	Nữ	MN Diễn Vạn	xóm Hồng Thịnh - xã Diễn Hồng	Cử nhân			86,0	83,0	84,5	84,5	
19	MN45	Dương Thị Thoa	13/11/1982	Nữ	MN Diễn Liên	xóm 3 - xã Diễn Liên	Cử nhân	con TB	5	79,0	80,0	79,5	84,5	
20	MN19	Nguyễn Thị Hữu	18/05/1990	Nữ	MN Diễn Vạn	xóm 6 - xã Diễn Hải	Cử nhân			84,0	84,0	84,0	84,0	

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Đơn vị hiện đang công tác	Hộ khẩu thường trú	Trình độ chuyên môn	Đổi tượng ưu tiên	Điểm Ưu tiên	SH1	SH2	Điểm TB	Tổng điểm	Ghi chú
21	MN43	Vũ Thị Thìn	23/11/1988	Nữ	MN Minh Châu	xóm 5 - xã Minh Châu	Cử nhân			83,0	84,0	83,5	83,5	
22	MN10	Nguyễn Thị Hằng	01/06/1987	Nữ	MN Diên Phong	xóm Đông Hồ - xã Diên Phong	Đại học			83,0	83,0	83,0	83,0	
23	MN14	Hoàng Thị Hoan	15/12/1981	Nữ	MN Diên Thành	xóm Ngọc Văn - xã Diên Ngọc	Cử nhân			82,5	83,0	82,8	82,8	
24	MN32	Cao Thị Nhung	16/11/1990	Nữ	MN Diên Bích	xóm Chiến Thắng - xã Diên Bích	Cử nhân			83,0	82,0	82,5	82,5	
25	MN31	Phạm Thị Nhân	14/08/1993	Nữ	MN Diên Mỹ	xóm 4 - xã Diên Yên	Đại học			82,5	82,0	82,3	82,3	
26	MN24	Nguyễn Thị Loan	26/01/1991	Nữ	MN Diên Kỳ	xóm 2- xã Diên Hoa	Cử nhân			80,0	84,0	82,0	82,0	
27	MN34	Trịnh Thị Phương	20/09/1989	Nữ	MN Diên Lâm 2	xóm 11 - xã Diên Lâm	Cử nhân			81,0	83,0	82,0	82,0	
28	MN37	Nguyễn Thị Thân	10/05/1992	Nữ	MN Diên An	xóm 8 - xã Diên Trung	Cử nhân			81,5	82,0	81,8	81,8	
29	MN48	Nguyễn Thị Thu	01/05/1983	Nữ	MN Diên Thọ	xóm 1 - xã Diên Thọ	Cử nhân			80,0	83,0	81,5	81,5	
30	MN53	Đặng Thị Trang	18/05/1990	Nữ	MN Minh Châu	xóm 5 - xã Minh Châu	Cử nhân			81,0	82,0	81,5	81,5	
31	MN58	Nguyễn Thị Xuân	07/01/1989	Nữ	MN Diên Đồng	xóm 3 - xã Diên Thái	Cử nhân			81,0	82,0	81,5	81,5	
32	MN59	Nguyễn Thị Yến	22/06/1989	Nữ	MN Diên Hải	xóm Sào Nam - xã Diên Mỹ	Cử nhân			82,0	81,0	81,5	81,5	
33	MN33	Cao Thị Phương	14/07/1988	Nữ	MN Diên Thành	xóm 11 - xã Diên Thành	Cử nhân			80,5	82,0	81,3	81,3	
34	MN38	Vũ Thị Thắng	14/03/1982	Nữ	MN Diên Hồng	xóm Xuân Đình - xã Diên Hồng	Cử nhân			80,5	82,0	81,3	81,3	
35	MN44	Cao Thị Thịnh	19/08/1987	Nữ	MN Diên An	xóm 3 - xã Diên An	Cử nhân			82,5	80,0	81,3	81,3	
36	MN46	Đặng Thị Thu	07/08/1988	Nữ	MN Diên Quảng	xóm 1 - xã Diên Quảng	Cử nhân			80,0	82,0	81,0	81,0	
37	MN57	Vũ Thị Vinh	22/06/1994	Nữ	MN Diên Hạnh	xóm Phượng Lịch 1 - xã Diên Hoa	Cử nhân			79,0	83,0	81,0	81,0	
38	MN06	Cao Thị Đường	05/05/1992	Nữ	MN Diên Phúc	xóm Phúc Thiêm - xã Diên Phúc	Cử nhân			79,5	82,0	80,8	80,8	
39	MN23	Phạm Thị Hồng Linh	24/11/1985	Nữ	MN Diên Trung	xóm 7 - xã Diên Lộc	Cử nhân			79,5	81,5	80,5	80,5	
40	MN41	Phạm Thị Phương Thảo	03/09/1989	Nữ	MN Diên Tân	Khối 4 - Thị trấn DC	Cử nhân			80,0	81,0	80,5	80,5	
41	MN47	Cao Thị Thu	08/08/1993	Nữ	MN Diên Mỹ	xóm 7 - xã Diên Yên	Cử nhân			81,0	80,0	80,5	80,5	
42	MN54	Tăng Thị Trinh	15/01/1994	Nữ	MN Diên Phúc	thôn 7 - xã Diên Kỳ	Cử nhân			81,0	80,0	80,5	80,5	
43	MN03	Tô Thị Ngọc Châu	29/08/1993	Nữ	MN Diên Tháp	xóm Đông Lộc - xã Diên Ngọc	Cao đẳng			80,0	80,0	80,0	80,0	
44	MN07	Cao Thị Giang	25/06/1989	Nữ	MN Diên Thịnh	Khối 4 - Thị trấn DC	Cử nhân			80,0	80,0	80,0	80,0	
45	MN39	Nguyễn Thị Thanh	16/04/1986	Nữ	MN Minh Châu	thôn Phú Lâm - xã Minh Châu	Cử nhân			80,0	80,0	80,0	80,0	
46	MN56	Đậu Thị Thanh Việt	19/05/1990	Nữ	MN Diên Tân	xóm 4 - xã Diên Tân	Cử nhân			80,0	80,0	80,0	80,0	
47	MN22	Đàm Thị Kim Liên	21/05/1986	Nữ	MN Diên Liên	xóm 6 - xã Diên Xuân	Cử nhân			80,0	79,0	79,5	79,5	



TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Đơn vị hiện đang công tác	Hộ khẩu thường trú	Trình độ chuyên môn	Đối tượng ưu tiên	Điểm Ưu tiên	SH1	SH2	Điểm TB	Tổng điểm	Ghi chú
48	MN29	Nguyễn Thị Nhân	07/03/1990	Nữ	MN Diễn Kỳ	thôn 3 - xã Diễn Kỳ	Cử nhân			79,0	80,0	79,5	79,5	
49	MN42	Nguyễn Thị Thêm	19/11/1985	Nữ	MN Diễn Liên	xóm 4 - xã Diễn Liên	Cử nhân			79,0	80,0	79,5	79,5	
50	MN25	Trần Thị Lợi	16/11/1989	Nữ	MN Diễn Bích	xóm Ngọc Văn - xã Diễn Ngọc	Cao đẳng			78,0	80,0	79,0	79,0	
51	MN16	Trần Thị Hương	12/05/1989	Nữ	MN Diễn Đoài	xóm Xuân Đường - xã Diễn Đoài	Cử nhân			77,5	77,0	77,3	77,3	
52	MN15	Trần Thị Hồng	15/10/1979	Nữ	MN Diễn Trường	xóm 3 - xã Diễn Trường	Cử nhân			77,0	76,0	76,5	76,5	
53	MN18	Đặng Thị Hương	15/06/1987	Nữ	MN Diễn Xuân	xóm Bắc Xuân - xã Diễn Xuân	Cử nhân			76,5	76,0	76,3	76,3	
54	MN04	Nguyễn Thị Dung	13/10/1983	Nữ	MN Diễn Hải	xóm 1 - xã Diễn Hải	Cử nhân			76,0	76,0	76,0	76,0	
55	MN51	Nguyễn Thị Quỳnh Trang	06/09/1992	Nữ	MN Diễn Liên	xóm 5 - xã Diễn Liên	Cử nhân			75,0	77,0	76,0	76,0	
56	MN26	Nguyễn Thị Lương	27/09/1986	Nữ	MN Diễn Yên	xã Đô Thành - Yên Thành	Cao đẳng			75,5	75,0	75,3	75,3	

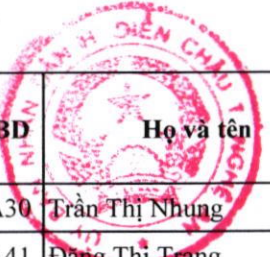
Danh sách này gồm có 56 thí sinh

2

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ KIẾN TRÚNG TUYỂN KỲ TUYỂN DỤNG GIÁO VIÊN NĂM 2021
VỊ TRÍ TUYỂN DỤNG: GIÁO VIÊN TIẾNG ANH DẠY TIỂU HỌC

(Kèm theo Thông báo số 16 /TB-HĐTD ngày 18 /6/2021 của Hội đồng tuyển dụng giáo viên năm 2021)

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ chuyên môn	Trường đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Điểm ưu tiên	SH1	SH2	Điểm TB	Tổng điểm	Ghi chú
1	TA14	Phan Thị Hoài	05/05/1992	Nữ	xóm 9 - xã Diễn Thái	Đại học	ĐH Ngoại ngữ ĐN (cq)			89,0	90,0	89,5	89,5	
2	TA04	Ngô Thị Dung	04/10/1987	Nữ	xóm 1 - Diễn Tháp	Đại học	ĐH Huế (vhl)			88,0	85,0	86,5	86,5	
3	TA19	Bùi Thị Ngọc Huyền	24/12/1983	Nữ	thôn 4 - xã Diễn Kỳ	Đại học	ĐH Huế (cq)			85,0	88,0	86,5	86,5	
4	TA06	Đậu Thị Hồng Hạnh	24/08/1984	Nữ	xóm 1 - xã Diễn Thành	Cử nhân	ĐH Vinh (cq)			86,0	85,0	85,5	85,5	
5	TA07	Phạm Thị Thu Hiền	10/01/1980	Nữ	xóm 1 - xã Diễn Tháp	Cử nhân	ĐH Vinh (tc)	Con TB	5	79,0	81,0	80,0	85,0	
6	TA22	Tăng Thị Liễu	08/07/1990	Nữ	xóm 2 - xã Diễn Hạnh	Cử nhân	ĐH Nha trang	Con TB	5	82,0	78,0	80,0	85,0	
7	TA27	Lê Thị Khánh Ngọc	13/05/1993	Nữ	xóm Đông Lộc - xã Diễn Ngọc	Đại học	ĐH NN Đà Nẵng (cq)			85,0	81,0	83,0	83,0	
8	TA01	Thái Hoàng Anh	22/09/1992	Nữ	Khối 4 - Thị trấn DC	Đại học	ĐH Vinh (cq)			81,0	80,0	80,5	80,5	
9	TA35	Cao Thị Anh Thảo	30/10/1997	Nữ	xóm 8 - xóm Diễn Thành	Đại học	ĐH Vinh (cq)			78,0	82,0	80,0	80,0	
10	TA12	Nguyễn Thị Hoài	06/01/1989	Nữ	Xóm 10 - xóm Diễn Lâm	Đại học	ĐH Huế (tx)			78,0	80,0	79,0	79,0	
11	TA02	Đoàn Thị Đông	01/04/1979	Nữ	Thôn Phú Lâm - xã Minh Châu	Đại học	ĐH Ngoại ngữ ĐHQG (tc)			78,0	79,0	78,5	78,5	
12	TA20	Phạm Thị Huỳnh	02/07/1984	Nữ	xóm 1 - xã Diễn Phúc	Cử nhân	ĐH Huế (tx)			78,0	76,0	77,0	77,0	
13	TA10	Ngô Thị Hoa	20/08/1995	Nữ	xóm Vạn Thọ - xã Diễn Mỹ	Cử nhân	ĐH Ngoại thương HN (cq)			78,0	75,0	76,5	76,5	
14	TA42	Đậu Thị Tú	23/07/1997	Nữ	xóm 3 - xã Diễn Hải	Đại học	ĐH Thương Mại (cq)			75,0	77,0	76,0	76,0	
15	TA28	Lê Thị Nguyệt	10/09/1979	Nữ	xóm Cự Nại - xã Diễn Hùng	Cử nhân	ĐH Ngoại ngữ HN			75,0	76,0	75,5	75,5	
16	TA33	Phan Thị Diễm Quỳnh	25/08/1993	Nữ	Xóm 2 - xã Diễn Hải	Đại học	ĐH Vinh (cq)			75,0	76,0	75,5	75,5	
17	TA43	Đặng Thị Tuyết	17/01/1996	Nữ	xóm 1 - xã Diễn Thọ	Cử nhân	ĐH Ngoại ngữ Đà Nẵng			74,0	77,0	75,5	75,5	
18	TA38	Nguyễn Thị Thúy	03/12/1991	Nữ	xóm 1 - xã Diễn Phú	Cử nhân	ĐH Huế (cq)			74,0	76,0	75,0	75,0	



TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ chuyên môn	Trường đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Điểm ưu tiên	SH1	SH2	Điểm TB	Tổng điểm	Ghi chú
19	TA30	Trần Thị Nhung	10/09/1986	Nữ	xóm 2 - xã Diễn Quảng	Cử nhân	ĐH Vinh			72,0	76,0	74,0	74,0	
20	TA41	Đặng Thị Trang	23/11/1989	Nữ	xóm 1 - xã Minh Châu	Đại học	ĐH Huế (tx)			73,0	74,0	73,5	73,5	
21	TA05	Trần Thị Mỹ Dung	03/06/1982	Nữ	xóm 4 - xã Diễn Hải	Đại học	ĐH Ngoại ngữ - ĐH QGHN			73,0	72,0	72,5	72,5	
22	TA21	Nguyễn Thị Khánh	15/07/1982	Nữ	xóm Phú Thành - xã Diễn Kim	Cử nhân	ĐH Hà Nội (tc)			73,0	72,0	72,5	72,5	
23	TA24	Đậu Thị Mùi	01/05/1979	Nữ	xóm 2 - xã Diễn Hạnh	Cử nhân	Viện ĐH Mở HN (tc)			72,0	73,0	72,5	72,5	
24	TA15	Nguyễn Thị Hoài	03/02/1989	Nữ	xóm 11 - xã Diễn Yên	Cử nhân	ĐH Huế (tx)			72,0	71,0	71,5	71,5	
25	TA11	Nguyễn Thị Quỳnh Hoa	09/03/1996	Nữ	xóm 7 - xã Diễn Yên	Đại học	ĐH Vinh (vhl)			72,0	70,0	71,0	71,0	
26	TA34	Lê Thị Thanh	23/02/1990	Nữ	thôn 3 - xã Diễn Kỳ	Cử nhân	ĐH Vinh (cq)			71,0	71,0	71,0	71,0	
27	TA39	Hồ Thị Thủy	06/06/1978	Nữ	xóm Yên Xuân - xã Diễn Phúc	Đại học	ĐH SPNN Hà Nội (cq)			70,0	71,0	70,5	70,5	
28	TA26	Nguyễn Thị Nga	05/05/1982	Nữ	xã Nhân Thành, Yên Thành	Đại học	ĐH NN, QGHN (tc)			70,0	70,0	70,0	70,0	
29	TA37	Trần Thị Thu	08/03/1981	Nữ	Xóm Ngọc Văn - xã Diễn Ngọc	Cử nhân	Viện ĐH Mở HN (tc)			70,0	70,0	70,0	70,0	

Danh sách này gồm có 29 thí sinh

24



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ KIẾN TRÚNG TUYỂN KỲ TUYỂN DỤNG GIÁO VIÊN NĂM 2021
VỊ TRÍ TUYỂN DỤNG: GIÁO VIÊN VĂN HÓA DẠY TIỂU HỌC
(Kèm theo Thông báo số 16 /TB-HĐTD ngày 18 /6/2021 của Hội đồng tuyển dụng giáo viên năm 2021)

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ chuyên môn	Trường đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Điểm ưu tiên	SH1	SH2	Điểm TB	Tổng điểm	Ghi chú
1	TH22	Nguyễn Thị Minh Nguyệt	03/11/1995	Nữ	xóm 3 - xã Diễn Trường	Cử nhân	ĐH Vinh (cq)	Con TB	5	74,0	73,0	73,5	78,5	
2	TH25	Phan Thị Thoa	15/02/1994	Nữ	xóm 8 - xã Diễn Thái	Cử nhân	ĐH Vinh (vhvl)	Con TB	5	72,0	71,0	71,5	76,5	
3	TH19	Trần Thị Hà My	23/02/1996	Nữ	Khối Bắc - xã Diễn Hồng	Cử nhân	ĐH Vinh (cq)			73,0	72,0	72,5	72,5	
4	TH02	Lê Thị Dung	14/02/1990	Nữ	xóm Hoàng La Trung - xã Diễn Hoàng	Cử nhân	ĐH Hà Tĩnh (vhvl)			71,0	71,0	71,0	71,0	
5	TH12	Ngũ Thị Huyền	05/04/1994	Nữ	Thôn Ngọc Mỹ - xã Diễn Hùng	Cử nhân	ĐH Vinh (vhvl)			71,0	68,0	69,5	69,5	
6	TH20	Bùi Thị Nga	06/02/1985	Nữ	Xóm Phú Thành - xã Diễn Kim	Đại học	ĐH Huế	Con TB	5	59,0	61,0	60,0	65,0	
7	TH05	Cao Thị Thanh Hằng	19/07/1997	Nữ	Khối 3 - Thị trấn DC	Cử nhân	ĐH Vinh (vhvl)			65,0	63,0	64,0	64,0	
8	TH14	Cao Thị Kỳ	30/08/1988	Nữ	xóm 1 - xã Diễn Thọ	Cử nhân	ĐH Vinh (vhvl)			61,0	66,0	63,5	63,5	
9	TH27	Ngô Thị Thủy	12/11/1988	Nữ	thôn 6B - xã Diễn Kỳ	Cử nhân	ĐH Vinh (vhvl)	Con BB	5	58,0	59,0	58,5	63,5	
10	TH33	Đặng Thị Xinh	16/10/1986	Nữ	xóm 4 - xã Diễn Thọ	Cử nhân	ĐH Vinh (cq)			62,0	65,0	63,5	63,5	
11	TH34	Hoàng Thị Xuân	09/05/1991	Nữ	xóm 1 - xã Diễn Lộc	Cử nhân	ĐH Vinh (vhvl)			62,0	64,0	63,0	63,0	
12	TH03	Cao Thị Dung	25/05/1988	Nữ	xóm Phụng Lịch - xã Diễn Hoa	Cử nhân	ĐH Vinh (vhvl)	Con TB	5	58,0	54,0	56,0	61,0	
13	TH04	Nguyễn Thị Duyên	10/10/1988	Nữ	xóm 6 - xã Diễn Hải	Cử nhân	ĐH Huế (tx)			62,0	60,0	61,0	61,0	
14	TH07	Ngô Thị Hiền	17/05/1995	Nữ	xóm 2 - xã Diễn Nguyên	Cử nhân	ĐH Vinh (cq)			61,0	60,0	60,5	60,5	
15	TH13	Nguyễn Thị Khánh	02/09/1982	Nữ	xóm Xuân Tiêu - xã Hợp Thành	Cử nhân	ĐH SP Huế (cq)			60,0	57,0	58,5	58,5	
16	TH10	Liễu Thị Hương	17/07/1991	Nữ	xóm Trung Thành - xã Diễn Hồng	Cử nhân	ĐH Huế (tx)			57,0	58,0	57,5	57,5	
17	TH24	Nguyễn Thị Phương Thảo	23/01/1997	Nữ	Khối 4 - Thị trấn DC	Cử nhân	ĐH Vinh (vhvl)			57,0	58,0	57,5	57,5	
18	TH15	Lê Thị Thanh Lâm	01/11/1994	Nữ	xóm 7 - xã Diễn Thành	Cử nhân	ĐH Vinh (vhvl)			58,0	55,0	56,5	56,5	

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ chuyên môn	Trường đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Điểm ưu tiên	SH1	SH2	Điểm TB	Tổng điểm	Ghi chú
19	TH09	Nguyễn Thị Hoàn	22/09/1996	Nữ	xóm 3 - xã Diễn Nguyễn	Cử nhân	ĐH Hà Tĩnh (cq)			57,0	55,0	56,0	56,0	
20	TH28	Hồ Thị Thủy	15/03/1991	Nữ	xóm 6 - xã Diễn Lộc	Cử nhân	ĐH Vinh (vhl)			55,0	56,0	55,5	55,5	
21	TH01	Nguyễn Thị An	10/09/1987	Nữ	xóm Bắc Vực - Đô Thành - YT	Cử nhân	ĐH Huế (tx)			56,0	54,0	55,0	55,0	
22	TH08	Nguyễn Thị Hoa	08/07/1994	Nữ	xóm Hướng Dương - xã Diễn Phong	Cử nhân	ĐH Vinh (vhl)			56,0	54,0	55,0	55,0	
23	TH21	Phan Thị Ngọc	01/12/1991	Nữ	Khối 4 - Thị trấn DC	Cử nhân	ĐHSP Hà Nội			56,0	54,0	55,0	55,0	
24	TH31	Nguyễn Thị Tú	19/08/1992	Nữ	xã Tam Quang - Tương Dương	Cử nhân	ĐH Vinh (vhl)			56,0	54,0	55,0	55,0	
25	TH23	Ngô Thị Thảo	26/07/1993	Nữ	xóm 10 - xã Diễn Xuân	Cử nhân	ĐH Vinh (vhl)			55,0	53,0	54,0	54,0	
26	TH06	Phạm Thị Hằng	08/04/1994	Nữ	xóm 2 - xã Minh Châu	Cử nhân	ĐH Vinh (vhl)			53,0	51,0	52,0	52,0	
27	TH11	Võ Thị Huyền	22/02/1987	Nữ	xóm 12 - xã Diễn Thịnh	Cử nhân	ĐH Vinh (vhl)			52,0	52,0	52,0	52,0	
28	TH26	Đoàn Thị Thủy	20/08/1988	Nữ	xóm 7 - xã Diễn Nguyễn	Cử nhân	ĐH Huế (tx)			50,0	53,0	51,5	51,5	
29	TH17	Trần Thị Liên	14/04/1988	Nữ	xóm Sung Yên - xã Đô Thành - YT	Cử nhân	ĐH Huế (tx)			52,0	50,0	51,0	51,0	
30	TH16	Lô Thị Ngọc Lan	29/08/1998	Nữ	xóm 9 - Diễn Thái	Cử nhân	ĐH Vinh (cq)			51,0	50,0	50,5	50,5	
31	TH32	Thái Thị Như Viên	22/04/1984	Nữ	xóm 10 - xã Diễn Yên	Cử nhân	ĐH Huế (tx)			51,0	50,0	50,5	50,5	

Danh sách này gồm có 31 thí sinh